

Số: 2270/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 27 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được chuẩn hóa; sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong lĩnh vực Địa chất và khoáng sản, Môi trường, Lâm nghiệp và kiểm lâm Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Văn phòng Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3317/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3339/QĐ-BNNMT ngày 22/8/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3306/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 63 danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được chuẩn hóa; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Địa chất và khoáng sản, Môi trường, Lâm nghiệp và kiểm lâm Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu (có Phụ lục 1, 2 chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính công bố trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 07/9/2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- VP UBND tỉnh: V4, HCC;
- VNPT Lai Châu (p/h)
- Lưu: VT, Hcc8.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tổng Thanh Hải

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HOÁ, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN; MÔI TRƯỜNG, LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số: 2270/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, thời gian, cách thức tiếp nhận và trả kết quả TTHC	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 30 ngày làm việc - Tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai: 13 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và lựa chọn tổ chức, cá nhân: 17 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.

2	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 80 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 70 ngày - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.- - - - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.
3	Cấp lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định được kéo dài thêm tối đa 25 ngày) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày. - Ra quyết định và trả kết	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT

		quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		ngày 02/7/2025; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.
4	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.

5	Điều chỉnh Giấy phép thăm dò khoáng sản	5.1. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản thay đổi tên gọi: 17 ngày làm việc. - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 11 ngày. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 03 ngày làm việc. 5.2. Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: 30 ngày làm việc (<i>trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày</i>) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc. 5.3. Trường hợp một phần diện tích thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 15	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.
---	---	--	---	-----------------------	--

		ngày làm việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có quyết định điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản. - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 9 ngày. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 03 ngày làm việc.			
6	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;

7	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 30 ngày làm việc (trong trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định sẽ kéo dài thêm tối đa 25 ngày) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.
8	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ - Thẩm định hồ sơ và trình hồ sơ: 25 ngày - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 05 ngày làm việc	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT

			quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		ngày 02/7/2025; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.
9	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 60 ngày. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;

10	Cấp lại Giấy phép khai thác khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 60 ngày. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
11	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày. - Ra quyết định và trả kết	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT

		quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		ngày 02/7/2025; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.
12	Điều chỉnh Giấy phép khai khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796.888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.

13	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025. - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.
14	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 40 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT

		- Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		ngày 02/7/2025; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.
15	Cấp đổi Giấy phép khai thác khoáng sản	5.1. Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản, tổng số ngày giải quyết: 70 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 60 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc. 5.2 Trường hợp cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản kết hợp với gia hạn, cấp lại hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, tổng số ngày giải quyết: 40 ngày	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

		làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 30 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.			
16	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 65 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 50 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 12 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796.888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.

			chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		
17	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	Tổng số ngày giải quyết: 60 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 25 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 50 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
18	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số

		- Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
19	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 50 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 15 ngày). - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 40 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796.888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;

20	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản; (3) Quyết toán khi đóng cửa mỏ, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản, văn bản chấp thuận, cho phép khai thác, thu hồi khoáng sản hết hiệu lực.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.
21	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 30 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 10 ngày) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT

		- Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc.	quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		ngày 02/7/2025; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.
22	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Tổng số ngày giải quyết: 18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 10 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 05 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

23	Điều chỉnh Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	23.1. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bổ sung khai thác khoáng sản đi kèm; thời hạn giải quyết là 18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 10 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 05 ngày làm việc. 23.2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh thay đổi tên tổ	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.
----	---	---	--	-----------------------	--

		chức, cá nhân; thời hạn giải quyết là 09 ngày làm việc - Thẩm định, ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc. - Thông báo cho tổ chức, cá nhân: 02 ngày làm việc.			
24	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Thời hạn giải quyết là: 18 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày) - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 13 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 05 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	(1) Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; (2) Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; (3) Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; (4) Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; (5) Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.

25	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	Thời hạn giải quyết là 18 ngày làm việc (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày) - Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 10 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 05 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.
26	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Thời hạn giải quyết là 47 ngày làm việc (không tính thời gian tiếp nhận hồ sơ và thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức,	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT

		cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện) - Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: 35 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 12 ngày làm việc.	quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		ngày 02/7/2025.
27	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	27.1. Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: thời hạn giải quyết là 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày) - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 23 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc. 27.2. Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản là 15	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.

		ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày) - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 12 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 03 ngày làm việc.			
28	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	28.1. Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản là: thời hạn giải quyết 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 05 ngày) - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 18 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày làm việc. 28.2. Đối với tổ chức, cá	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796.888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành	Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.

		nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản là: 13 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ, thời gian giải quyết có thể kéo dài thêm tối đa 03 ngày). - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 10 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 03 ngày làm việc.	chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		
29	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	29.1. Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản là: thời hạn giải quyết 25 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ <i>(không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)</i>. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 18 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 07 ngày	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796.888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.

		làm việc. 29.2. Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản là: là 13 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ <i>(không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)</i>. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 03 ngày làm việc. 29.3. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh công suất khai thác trong nội dung giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (không tăng trữ lượng hoặc khối lượng đã cấp phép) đối với các mỏ khoáng sản đã có giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV còn hiệu lực phục vụ các dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp	chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		
--	--	--	--	--	--

		luật về đầu tư công; thời hạn thẩm định là 05 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 05 ngày làm việc			
30	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Thời hạn giải quyết là 27 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (<i>không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</i>) - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 20 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 12 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796.888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.
31	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không	Thời hạn giải quyết là 09 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (<i>không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong</i>	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số

	đấu giá quyền khai thác khoáng sản	<i>trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)</i> - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 08 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 01 ngày làm việc.	Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.
32	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Thời hạn giải quyết là 17 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ <i>(không tính thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ)</i>. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 15 ngày làm việc. - Ra quyết định và trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả:	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.

			- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		
33	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn	Thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ - Thẩm định hồ sơ và ra quyết định: 15 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.
34	Chấp thuận thăm dò tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III	Thời hạn giải quyết là 40 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 40 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

			2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.
35	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV	Thời hạn giải quyết là 40 ngày làm việc. - Thẩm định hồ sơ và trình phê duyệt: 40 ngày làm việc.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796.888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;

			vụ bưu chính.		
36	Công nhận báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, thăm dò bổ sung đối với các loại khoáng sản rắn thuộc thẩm quyền công nhận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1) Thời hạn giải quyết là: 60 ngày làm việc đối với khoáng sản nhóm I, nhóm II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ. (2) Thời hạn giải quyết là: 45 ngày làm việc đối với khoáng sản nhóm III	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà số 2, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu. - Điện thoại: 0213.3796. 888. 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/2/2024.
B	Thủ tục hành chính cấp xã				
1	Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Thời hạn giải quyết là 47 ngày làm việc <i>(không tính thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân</i>	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Địa chỉ: - Điện thoại: 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT

		<i>đăng ký thu hồi khoáng sản bổ sung, hoàn thiện)</i> - Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: 35 ngày làm việc. - Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản: 07 ngày làm việc. - Trả kết quả giải quyết: 05 ngày làm việc	quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.		ngày 02/7/2025.
2	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Thời hạn giải quyết là 90 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hợp lệ đối với các trường hợp: (1) Quyết toán theo định kỳ 5 năm một lần; (2) Quyết toán khi giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản hết hiệu lực	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Địa chỉ: - Điện thoại: 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025; - Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025.

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LINH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

ST T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm, thời gian, cách thức tiếp nhận và trả kết quả TTHC	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành; khu vực quốc phòng: 20 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản, Bộ Quốc phòng: 12 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ.	1. Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã 2. Thời gian nhận hồ sơ và trả kết quả: Vào các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết, ngày nghỉ theo quy định): + Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'. + Buổi chiều: Từ 13h30' đến 17h00'. 3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả: - Nộp hồ sơ và nhận kết quả: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu. - Nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính	Không	Nghị định số 227/2025/NĐ-CP ngày 16/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Đơn vị thực hiện
1	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

3	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024. - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014. - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; - Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

				- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.	
6	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; - Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

8	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
9	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 10/2024/TT- BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

11	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
13	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT- BTNMT ngày 26/12/2016.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

14	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
15	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
16	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

17	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
18	1.013321	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

19	1.013322	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
20	1.013323	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

21	1.013324	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
22	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Địa chất và khoáng sản	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
23	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Địa chất và khoáng sản	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Đơn vị thực hiện
1	2.001767	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Môi trường	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của - Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Phụ lục 2

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Quyết định số: 2270/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

TT	Tên TTHC	Quy trình nội bộ
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án tạm sử dụng rừng Thời gian thực hiện: - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành; khu vực quốc phòng: 20 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp không phải lấy ý kiến của bộ, ngành chủ quản, Bộ Quốc phòng: 12 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được hồ sơ hợp lệ.	<pre> graph TD A[Trung tâm phục vụ HCC Tiếp nhận hồ sơ Thời gian: 1/4 ngày] --> B[Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR. Phân công Thời gian: 1/4 ngày] B --> C[Chuyên viên Phòng Sử dụng PTR. Xử lý hồ sơ Thời gian: 5,5 ngày] C --> D[Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR. Thẩm định, trình ký Thời gian 1/4 ngày] D --> E[Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm. Trình ký Thời gian: 1/4 ngày] E --> F[Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường. Ký duyệt Thời gian: 1/4 ngày] F --> G[Văn thư Sở Nông nghiệp và Môi trường; Phát hành Thời gian: 1/4 ngày] G --> H[Văn thư UBND tỉnh. Tiếp nhận: Thời gian: 1/4 ngày] H --> I[Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh. Phân công xử lý hồ sơ: Thời gian: 1/2 ngày] I --> J[Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh. Trường hợp phải lấy ý kiến của Bộ, ngành thời gian xử lý là 11 ngày. Trường hợp không phải lấy ý kiến thời gian xử lý là 03 ngày] J --> K[Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh. Trình ký Thời gian: 1/2 ngày] K --> L[Lãnh đạo UBND tỉnh. Ký duyệt Thời gian: 1/2 ngày] L --> M[Văn thư UBND tỉnh. Phát hành Thời gian: 1/4 ngày] M --> A </pre>

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC THỰC HIỆN TTHC CẤP TỈNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nội dung công việc	Ghi chú
1	Bùi Huy Phương	Giám đốc Sở NN và MT	Xem xét, ký phê duyệt	
2	Nguyễn Trọng Lịch	Phó Giám đốc Sở NN và MT	Xem xét, ký phê duyệt	
3	Phạm Trung Tình	P. Chi cục trưởng Chi cục KL	Xem xét, ký phê duyệt	
4	Vũ Văn Nam	Trưởng phòng SD & PTR	Xem xét, ký phê duyệt	
5	Đỗ văn Bình	P. Trưởng phòng SD & PTR	Xem xét, ký phê duyệt	
6	Hồ Tiến Đạt	P. Trưởng phòng SD & PTR	Xem xét, ký phê duyệt	
7	Bùi Quang Sáu	Công chức phòng SDR	Tham mưu giải quyết hồ sơ	
8	Phạm Việt Khánh	Công chức phòng SDR	Tham mưu giải quyết hồ sơ	
9	Bùi Văn Cường	Công chức phòng SDR	Tham mưu giải quyết hồ sơ	
10	Nguyễn Đình Bình Điệp	Công chức phòng SDR	Tham mưu giải quyết hồ sơ	
11	Trịnh Văn Hiếu Tài	Công chức phòng SDR	Tham mưu giải quyết hồ sơ	